

KẾ HOẠCH

Phát triển công nghệ thông tin trong các cơ quan nhà nước tỉnh Lào Cai năm 2018

A. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH

- Nghị quyết số 36a/NQ-CP ngày 14/10/2015 của Chính phủ về Chính phủ điện tử;
- Quyết định số 1819/QĐ-TTg ngày 26/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia về ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2016-2020;
- Quyết định số 1636/QĐ-TTg ngày 22/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Lào Cai đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;
- Quyết định số 1622/QĐ-TTg ngày 25/10/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án đẩy mạnh hoạt động của mạng lưới ứng cứu sự cố, tăng cường năng lực cho các cán bộ, bộ phận chuyên trách ứng cứu sự cố an toàn thông tin (ATTT) mạng trên toàn quốc đến 2020, định hướng đến 2025;
- Văn bản số 1178/BTTTT-THH ngày 21/04/2015 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc ban hành khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam;
- Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 27/11/2015 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về 4 chương trình công tác, 19 đề án trọng tâm của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lào Cai khóa XV, nhiệm kỳ 2015-2020;
- Đề án số 20-ĐA/TU ngày 20/12/2016 của Tỉnh ủy Lào Cai về phát triển CNTT tỉnh Lào Cai giai đoạn 2017-2020;
- Kế hoạch số 212/KH-UBND ngày 28/7/2016 của UBND tỉnh Lào Cai về phát triển kinh tế - xã hội 5 năm (2016-2020);
- Kế hoạch số 391/KH-UBND ngày 30/12/2016 của UBND tỉnh Lào Cai về triển khai Đề án phát triển CNTT tỉnh Lào Cai, giai đoạn 2017-2020 và năm 2017 trong các cơ quan nhà nước.

B. HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN CNTT TỈNH LÀO CAI NĂM 2017

I. Kết quả phát triển CNTT năm 2017.

1. Cơ chế, chính sách:

Năm 2017, tỉnh Lào Cai tiếp tục chú trọng ban hành kịp thời các cơ chế, chính sách, văn bản chỉ đạo điều hành,... tạo môi trường pháp lý, thuận lợi cho việc phát triển, ứng dụng CNTT, thúc đẩy cải cách hành chính (CCHC) trên địa bàn tỉnh, cụ thể:

- Chính sách thu hút, đãi ngộ cán bộ, công chức, viên chức (CCVC) làm nhiệm vụ đảm bảo ATTT; Quy chế quản lý, sử dụng hệ thống dịch vụ công trực tuyến, phần mềm quản lý văn bản và điều hành; Quy chế quản lý, sử dụng chữ ký số,...

- Chi đạo, tổ chức triển khai thỏa thuận hợp tác chiến lược với các tập đoàn, công ty lớn về CNTT, như: VNPT, Viettel, Vnpost,...

- Tổ chức thành công hội thảo hợp tác phát triển CNTT-TT Việt Nam lần thứ XXI và các hoạt động song song hội thảo, thu hút đông đảo đại biểu tham dự so với các kỳ hội thảo, với trên 800 đại biểu tham dự.

- Ban hành kế hoạch duy trì, nâng cao chỉ số sẵn sàng cho phát triển và ứng dụng CNTT tỉnh Lào Cai năm 2017, 2018 và các năm tiếp theo.

- Xây dựng Đề án phát triển đô thị thông minh tỉnh Lào Cai giai đoạn 2017-2025;

- Triển khai các nội dung về thuê dịch vụ CNTT, ký hợp đồng thuê dịch vụ bộ phần mềm Chính quyền điện tử;

- Triển khai hiệu quả Quyết định số 45/2016-QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả thủ tục hành chính (TTHC) qua dịch vụ bưu chính công ích; sơ kết 01 năm thực hiện hoạt động này; Bổ sung tiêu chí đánh giá việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích vào bộ tiêu chí đánh giá, xếp hạng ứng dụng CNTT và tiêu chí đánh giá cải cách hành chính đối với các sở, ngành, huyện, thành phố.

- Đánh giá, công bố kết quả xếp hạng ứng dụng CNTT trong các cơ quan nhà nước tỉnh Lào Cai năm 2017.

- Ban hành 16 văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc các cơ quan, địa phương, doanh nghiệp trên địa bàn tăng cường ứng dụng CNTT, đảm bảo ATTT,...

2. Hạ tầng kỹ thuật CNTT:

- Hoàn thiện hạ tầng CNTT đồng bộ cho huyện Bắc Hà và Mường Khương, nâng tổng số 8/9 huyện, thành phố được xây dựng hạ tầng mạng đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật (*hạ tầng mạng huyện Sa Pa sẽ được triển khai sau khi di chuyển về khu hành chính mới*). UBND huyện Sa Pa đã chủ động đầu tư các thiết bị CNTT như máy tính, máy quét cho các phòng, ban chuyên môn và các xã, thị trấn trên địa bàn huyện.

- Các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh tiếp tục chủ động duy trì hệ thống hạ tầng CNTT hiện có phục vụ công việc tại cơ quan, đơn vị, địa phương mình. 100% CQNN kết nối mạng Internet; 100% cán bộ, công chức cấp tỉnh, cấp huyện, 70% cấp xã được trang bị máy tính phục vụ công việc.

- Trung tâm mạng thông tin của tỉnh tiếp tục được duy trì, nâng cao năng lực lưu trữ dữ liệu và đảm bảo ATTT phục vụ tốt cho hoạt động ứng dụng CNTT của tỉnh.

- Triển khai bảo dưỡng hệ thống mạng tại các trụ sở hợp khối 4, 5, 7 cho tổng số 20 đơn vị.

3. Về công tác đảm bảo an toàn thông tin:

- Tổ chức hỗ trợ, khắc phục sự cố máy tính, sự cố về ATTT cho trên 500 lượt ở các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

- Theo dõi, phát hiện, phòng chống, ngăn chặn kịp thời trên 5 triệu phiên truy cập có nguy cơ mất an toàn đối với các hệ thống thông tin, CSDL lớn của tỉnh.

- Thông báo, hướng dẫn thực hiện các biện pháp phòng, chống đảm bảo ATTT trong các CQNN. Đặc biệt, năm 2017 đã có nhiều giải pháp nâng cao bảo đảm ATTT, có biện pháp chủ động phòng chống trước, trong và sau thời gian mã độc tấn công như mã độc tổng tiền Wanacry.

- Tham gia 02 cuộc diễn tập ứng cứu sự cố máy tính quy mô quốc tế và quốc gia do Trung tâm ứng cứu khẩn cấp máy tính VN (VNCert), Cục ATTT, Bộ Thông tin và Truyền thông và các doanh nghiệp CNTT tổ chức.

4. Về triển khai ứng dụng CNTT trong quản lý, điều hành, phục vụ người dân, doanh nghiệp:

Năm 2017, thực hiện có hiệu quả việc thuê dịch vụ CNTT đối với bộ phần mềm chính quyền điện tử của tỉnh, các phần mềm dùng chung được triển khai sâu rộng trên cả 3 cấp tỉnh, huyện, xã phục vụ đặc lực công tác quản lý, chỉ đạo điều hành, tiết kiệm chi phí cho các cơ quan nhà nước:

- Hệ thống thư điện tử của tỉnh được nâng cấp và được sử dụng trong toàn hệ thống chính trị của tỉnh. Trong năm 2017, cấp mới trên 900 hộp thư điện tử, nâng tổng số hộp thư đã cấp trong toàn tỉnh lên trên 9.400 hộp thư. Qua rà soát trên hệ thống năm 2017: 100% hộp thư công vụ của cơ quan, tổ chức đã được khai thác sử dụng, hộp thư cá nhân đạt tỷ lệ 62,42%. Trung bình 1 ngày có trên 5.000 thư được giao dịch, gửi nhận thông qua hệ thống thư điện tử của tỉnh (tăng 30% so với cùng kỳ năm 2016).

- Phần mềm quản lý văn bản và điều hành: Năm 2017 hoàn thành triển khai nhân rộng đến 100% cơ quan sở, ban, ngành cấp tỉnh, cấp huyện, UBND cấp xã và được tích hợp chữ ký số giúp thuận tiện trong công tác sử dụng. Tổng số văn bản cập nhật trên hệ thống là 512.376 (372.058 văn bản đến và 140.318 văn bản đi); tổng số văn bản gửi liên thông giữa các đơn vị là 80.786 lượt văn bản.

- Hệ thống dịch vụ hành chính công trực tuyến - tích hợp một cửa liên thông điện tử:

+ Năm 2017, hệ thống dịch vụ hành chính công trực tuyến - tích hợp một cửa liên thông điện tử tại địa chỉ <http://tthc.laocai.gov.vn> đã được triển khai và đưa vào sử dụng cho 18/18 sở, ban, ngành có TTHC và 9/9 huyện thành phố; Quý IV/2017 đã hoàn thành triển khai, đưa vào sử dụng hệ thống một cửa điện tử cho 164/164 UBND xã, phường, thị trấn.

+ Tổng số dịch vụ công trực tuyến mức 1, mức 2, mức 3, mức 4 được cập nhật, đăng tải trên Hệ thống dịch vụ hành chính công của tỉnh trên 1.700 dịch vụ,

trong đó có trên 300 thủ tục được cung cấp dịch vụ công mức độ 3, mức độ 4; 40 dịch vụ công mức độ 4 được triển khai từ các bộ chuyên ngành¹;

+ Về kết quả sử dụng: Trong năm 2017, tổng số hồ sơ được tiếp nhận qua hệ thống là trên 66.000 hồ sơ, tổng số hồ sơ được giải quyết qua hệ thống là trên 62.000 hồ sơ (số lượng hồ sơ cập nhật trên hệ thống tăng gấp 2 lần so với năm 2016).

+ Kết quả xếp hạng về chỉ số “Dịch vụ công trực tuyến” trong bộ chỉ số ICT-Index năm 2017 tỉnh Lào Cai xếp thứ 4/63 tỉnh, thành phố (tăng 16 bậc so với năm 2016 - đứng thứ 20).

- Triển khai tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích theo Quyết định 45/2016/QĐ-TTg:

+ Ban hành và công khai 850 danh mục thủ tục hành chính (TTHC) thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích áp dụng trên địa bàn tỉnh Lào Cai trên hệ thống dịch vụ hành chính công trực tuyến của tỉnh tại địa chỉ <http://thc.laocai.gov.vn>, công khai kèm theo mức giá dịch vụ của từng TTHC để các tổ chức, doanh nghiệp, người dân biết và lựa chọn sử dụng.

+ Hoàn thành việc tích hợp, kết nối Hệ thống dịch vụ hành chính công trực tuyến của tỉnh với Hệ thống quản lý tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích của Tổng công ty Bưu điện Việt Nam.

+ 16/22 sở, ban, ngành có TTHC và 9/9 UBND huyện, thành phố đã triển khai thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích; tổng số hồ sơ được tiếp nhận, trả kết quả năm 2017 là gần 60.000 hồ sơ.

- Hệ thống giao ban trực tuyến của tỉnh trong năm phục vụ trên 30 cuộc họp trong tỉnh và họp với các bộ, ngành, trung ương. Hệ thống giao ban của thành phố Lào Cai cũng đã tổ chức được 10 cuộc họp trực tuyến với các xã, phường của thành phố.

- Hệ thống giao ban trực tuyến cấp huyện, cấp xã: 7/8 huyện đã triển khai thuê và sử dụng dịch vụ hội nghị truyền hình trực tuyến từ huyện, đến xã (còn Huyện Bát Xát chưa triển khai).

- Việc ứng dụng chữ ký số và sử dụng văn bản điện tử: Triển khai ứng dụng chữ ký số đến 100% sở, ban, ngành, UBND các huyện thành phố; cấp phát, đưa vào sử dụng 239 chữ ký số tổ chức; 216 chữ ký số cá nhân; hoàn thành tích hợp chữ ký số vào phần mềm QLVB&ĐH. 80% văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước dưới dạng điện tử, 8 loại danh mục văn bản áp dụng chữ ký số được gửi, nhận, sử dụng hoàn toàn văn bản điện tử, không phải gửi văn bản giấy, giúp tiết kiệm chi phí và thuận tiện trong công tác xử lý văn bản.

- Tiếp tục duy trì hệ thống Cổng thông tin điện tử (TTĐT) của tỉnh và các Cổng TTĐT thành viên của các sở, ban, ngành, các huyện, thành phố; Năm 2017, Cổng TTĐT của tỉnh sản xuất, cập nhật trên 8.656 tin bài, bộ thông tin CSDL gồm

¹ Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ tài chính, Bộ giao thông vận tải.

các văn bản chỉ đạo điều hành, thông tin chiến lược, quy hoạch,... ; Chuyên mục hỏi - đáp nhận 1.277 câu hỏi của các tổ chức, cá nhân; tổ chức 02 chương trình đối thoại trực tuyến; triển khai phiên bản tiếng anh, triển khai cổng thông tin tác nghiệp cho UBND thành phố và UBND các xã, phường thuộc thành phố, triển khai module tra cứu giá đất,...

- Tiếp tục duy trì hệ thống Cổng thông tin điện tử (TTĐT) của tỉnh và các Cổng TTĐT thành viên của các sở, ban, ngành, các huyện, thành phố; đăng tải đầy đủ, kịp thời thông tin chỉ đạo điều hành, thông tin phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Cổng thông tin đối ngoại của tỉnh trong năm cập nhật được hơn 2.000 tin bài về chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước, các quy định của tỉnh về đối ngoại và thông tin đối ngoại; các thông tin về tình hình phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của địa phương; các cơ sở dữ liệu,... thu hút hơn 1,4 triệu lượt người quan tâm truy cập.

- Hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu văn bản QPPL của tỉnh kết nối với CSDL VB QPPL Quốc gia trong năm đã cập nhật, đăng tải đầy đủ với 146 văn bản QPPL phục vụ các cơ quan, tổ chức và người dân, doanh nghiệp tra cứu, tìm hiểu về các quy định, cơ chế chính sách của tỉnh.

Về các ứng dụng CNTT chuyên ngành:

- Văn phòng UBND tỉnh triển khai phần mềm theo dõi chỉ đạo điều hành của Chủ tịch UBND tỉnh với các sở, ban, ngành và các huyện thành phố, trong năm cập nhật trên 915 nội dung và 411 văn bản. Phần mềm quản lý lịch công tác của Thường trực UBND tỉnh đã đáp ứng tốt cho công việc; triển khai số hóa tài liệu của Văn phòng UBND tỉnh, HĐND tỉnh.

- Lĩnh vực du lịch: triển khai dịch vụ tin nhắn SMS giới thiệu về du lịch Lào Cai, Sa pa tới các du khách khi đến địa phận tỉnh Lào Cai, địa phận huyện Sa Pa; triển khai camera du lịch trọng điểm trên địa bàn Sa Pa, Bắc Hà, Bảo Yên. Triển khai lắp đặt trang thiết bị tại trung tâm điều hành (Ti vi, máy tính, bàn, đường truyền,...) kết nối hệ thống camera giám sát du lịch về trung tâm điều hành đặt tại Sở Thông tin và Truyền thông. Chuẩn bị các điều kiện triển khai số hóa, xây dựng CSDL các địa danh di sản văn hóa, du lịch tiêu biểu của tỉnh, quảng bá trực quan bằng hình ảnh 3D. Duy trì Cổng TTĐT du lịch; triển khai ứng dụng du lịch trên di động (app du lịch) của huyện Sa Pa,...

- Ngành giáo dục và đào tạo tiếp tục thực hiện duy trì đưa tin học giảng dạy trong các trường học có sự gia tăng so với năm 2016.

- Ngành y tế tiếp tục duy trì các hệ thống thông tin quản lý bệnh viện, quản lý khám chữa bệnh và các ứng dụng chuyên ngành do Bộ Y tế triển khai toàn quốc.

- Lĩnh vực nông nghiệp: triển khai hệ thống truy xuất nguồn gốc thực phẩm nông sản,....

- Lĩnh vực tài nguyên và môi trường: triển khai Hệ thống cơ sở hạ tầng tiếp nhận quản lý số liệu quan trắc tự động liên tục nước thải, khí thải và Hệ thống quan

trắc khĩ thái tự động tại khu công nghiệp tăng Loong; triển khai hệ thống quan trắc cảnh báo phóng xạ môi trường.

- Lĩnh vực công thương triển khai phần mềm ứng phó sự cố hóa chất, nâng cấp sàn giao dịch thương mại điện tử tỉnh Lào Cai,...

- Ngành Hải quan tiếp tục ứng dụng hệ thống thông quan tự động; phần mềm kết nối một cửa quốc gia;...

- Tài chính, Kho bạc nhà nước: Thực hiện các ứng dụng chuyên ngành triển khai trong phạm vi toàn quốc như: dịch vụ công trực tuyến; thanh toán liên ngân hàng; hỗ trợ thu ngân sách nhà nước;...

5. Về nguồn nhân lực CNTT:

- Trong năm 2017, đã tổ chức 10 lớp đào tạo về Công nghệ thông tin điện tử Tỉnh ủy, phần mềm đánh giá cán bộ công chức cho 335 học viên, cụ thể:

+ Đào tạo công nghệ thông tin điện tử Ban Nội chính: 01 lớp 45 học viên;

+ Đào tạo Công nghệ Thông tin điện tử Tỉnh ủy: 02 lớp 70 học viên;

+ Đào tạo phần mềm đánh giá cán bộ công chức: 06 lớp 220 học viên

+ Đào tạo 02 lớp ATTT cho cán bộ chuyên trách/phụ trách CNTT

+ Đào tạo sử dụng và quản trị hệ thống dịch vụ hành chính công, phần mềm QLVBĐH cho cán bộ quản trị hệ thống tại các cơ quan, đơn vị, địa phương;

+ Đào tạo sử dụng hệ thống tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.

- Toàn tỉnh có 98 cán bộ chuyên trách, phụ trách về CNTT, trong đó 04 cán bộ có trình độ thạc sỹ về CNTT, 85 cán bộ có trình độ đại học về CNTT, 07 cán bộ có trình độ cao đẳng, 02 cán bộ có trình độ trung cấp CNTT.

II. Đánh giá chung

1. Ưu điểm:

- Trong năm, các cơ chế, chính sách, văn bản chỉ đạo, điều hành tiếp tục được ban hành kịp thời. Kết quả phát triển, ứng dụng CNTT năm qua đã có sự tăng tốc đáng kể, hoàn thành đạt và vượt chỉ tiêu kế hoạch đề ra năm 2017. Công tác đảm bảo ATTT được tăng cường. Hệ thống thông tin dùng chung như phần mềm quản lý văn bản điều hành, hệ thống dịch vụ hành chính công, một cửa điện tử,... được triển khai nhân rộng, đồng bộ trên cả 3 cấp; số lượng, chất lượng dịch vụ công trực tuyến được cải thiện so với năm 2016.

- Chỉ số xếp hạng ICT-Index của tỉnh xếp thứ 7/63 tỉnh, thành phố cả nước, trong đó 02 chỉ số thành phần quan trọng được tăng hạng, đó là xếp hạng về ứng dụng CNTT trong CQNN đứng thứ 6/63 (tăng 4 bậc so với năm 2016), chỉ số dịch vụ công trực tuyến 4/63 tỉnh, thành phố (tăng 16 bậc so với năm 2016).

- Chỉ số xếp hạng ICT năm 2017 của các sở, ngành, địa phương trên địa bàn tỉnh có sự cải thiện từ mức khá đến mức tốt, không có đơn vị nào ở mức trung bình; khoảng cách giữa các đơn vị dần được rút ngắn.

Qua đó, đã mang lại hiệu quả kinh tế, hiệu quả xã hội, giúp tiết kiệm thời gian, giảm chi phí cho cả các CQNN và người dân, doanh nghiệp; nâng cao hiệu quả hoạt động của toàn hệ thống chính trị, thúc đẩy CCHC, minh bạch hóa thông tin, nâng cao sự hài lòng của người dân với cơ quan công quyền; nâng cao năng lực cạnh tranh góp phần phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh

2. Khó khăn, hạn chế:

- Hệ thống mạng nội bộ, trang thiết bị đầu cuối của một số đơn vị sở, ban, ngành được đầu tư, song đã có tình trạng xuống cấp, hệ thống bảo mật hỗ trợ việc quản lý, giám sát, ngăn chặn các nguy cơ mất ATTT còn thiếu. Trang thiết bị ATTT cho Trung tâm mạng của tỉnh chưa đáp ứng so với yêu cầu phát triển nhanh, mạnh trong tình hình hiện nay.

- Hạ tầng kỹ thuật CNTT cơ quan cấp huyện, cấp xã chưa được đầu tư hoàn thiện, đồng bộ, nhất là hạ tầng mạng cấp xã nên chưa đáp ứng yêu cầu cho triển khai toàn diện ứng dụng CNTT; nhiều máy tính cấu hình thấp cài hệ điều hành phiên bản cũ không đảm bảo ATTT.

- Khung kiến trúc Chính quyền điện tử của tỉnh chưa được phê duyệt phiên bản mới đáp ứng Khung kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam. Trục kết nối, liên thông các hệ thống thông tin dùng chung chưa được triển khai.

- Ứng dụng CNTT chuyên ngành trong các CQNN chưa có sự kết nối, chia sẻ dữ liệu với nhau và với các hệ thống thông tin có liên quan; việc tác nghiệp, điều hành, xử lý công việc theo quy trình khép kín hoàn toàn trên mạng còn hạn chế;

- Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 tuy đã có cải thiện, song vẫn chưa được khai thác sử dụng thường xuyên, các đơn vị chưa chú trọng khâu tuyên truyền phổ biến đến người dân, doanh nghiệp.

- Trình độ cán bộ, công chức đa phần mới ở mức tin học văn phòng, chưa được cập nhật chuẩn kỹ năng mới về ứng dụng CNTT. Việc truy cập, khai thác hệ thống mạng, sử dụng các hệ thống thông tin của CBCCVN chưa tuân thủ đầy đủ các quy định về bảo mật như: chưa thay đổi mật khẩu mặc định, mật khẩu đơn giản dễ bị lộ lọt, chưa kích hoạt tính năng bảo vệ trên máy tính cá nhân để lây lan virus gây nguy hại đến toàn hệ thống....

- Cán bộ chuyên trách/phụ trách về CNTT chưa được đào tạo đạt chuẩn kỹ năng chuyên nghiệp về CNTT.

3. Nguyên nhân của những hạn chế:

- Thủ trưởng một số cơ quan, đơn vị chưa thực sự quyết liệt quán triệt, chỉ đạo việc ứng dụng CNTT trong cơ quan, địa phương mình quản lý; dẫn đến việc khai thác, sử dụng các hệ thống thông tin đã được đầu tư của bộ phận CCVC chưa thường xuyên, chưa khai thác hết tính năng để nâng cao hiệu quả công việc, giảm giấy tờ hành chính, tiết kiệm chi phí,...

- Nhân lực CNTT trong các CQNN cấp huyện còn mỏng, cấp xã hầu hết còn thiếu. Cán bộ, CCVC, doanh nghiệp và nhân dân chưa nhận thức đúng và đầy đủ về việc đảm bảo an toàn, an ninh thông tin. Hiểu biết về sử dụng máy tính và phần

mềm ứng dụng của cán bộ và người dân nhất là ở các vùng sâu, vùng xa, biên giới, còn rất hạn chế, cũng ảnh hưởng cho triển khai đồng bộ trên diện rộng các ứng dụng CNTT.

- Nguồn lực chung của tỉnh còn hạn hẹp để đảm bảo cho phát triển hạ tầng kỹ thuật, trang thiết bị CNTT, ứng dụng CNTT và ATTT. Chưa cân đối được nguồn lực để thực hiện một số nhiệm vụ quan trọng tạo nền tảng cho phát triển CQĐT như dự án xây dựng kiến trúc Chính quyền điện tử của tỉnh, dự án phát triển hạ tầng CNTT cấp xã, nên ảnh hưởng đến phát triển chính quyền điện tử kết nối 3 cấp trên địa bàn tỉnh và kết nối 4 cấp với Chính phủ.

0 KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN CNTT, ATTT NĂM 2018

I. Mục tiêu:

- Hoàn thành xây dựng hạ tầng CNTT cho 100% UBND các huyện, thành phố, triển khai xây dựng hạ tầng CNTT cho cấp xã; 100% cơ quan nhà nước có kết nối Internet băng thông rộng; 100% cán bộ chuyên môn, nghiệp vụ có máy tính phục vụ công việc.

- Ban hành Kiến trúc tổng thể Chính quyền điện tử và xây dựng hạ tầng nền tảng, thực kết nối liên thông Chính quyền điện tử có kết nối giữa các cơ quan khối Nhà nước với các cơ quan khối Đảng của tỉnh, sẵn sàng kết nối với trực liên thông quốc gia.

- Triển khai sử dụng hiệu quả hệ thống thư điện tử của tỉnh và phần mềm quản lý văn bản điều hành liên thông 3 cấp trong tỉnh, đạt 100% các cơ quan cấp tỉnh, huyện, xã.

- Tích hợp chữ ký số vào hệ thống thư điện tử của tỉnh, triển khai chữ ký số trên diện rộng đến cả 3 cấp trong tỉnh. 100% cơ quan nhà nước từ tỉnh đến huyện, 50% UBND cấp xã sử dụng chữ ký số phục vụ giao dịch, gửi nhận văn bản điện tử theo quy định; tối thiểu 80% trở lên văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước dưới dạng điện tử.

- Trên 90% các cuộc họp của tỉnh, các sở, ngành với các huyện, thành phố được tổ chức dưới hình thức họp trực tuyến.

- Triển khai hiệu quả hệ thống dịch vụ hành chính công (gồm: rà soát, cập nhật, công bố đầy đủ TTHC, cung cấp dịch vụ trực tuyến, vận hành phần mềm một cửa điện tử) đến 100% cơ quan hành chính nhà nước có TTHC từ cấp tỉnh đến huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh. Cung cấp 100% TTHC - dịch vụ công trên môi trường mạng và tối thiểu 16% dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4. Tiếp tục rà soát, phê duyệt bổ sung các TTHC thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích trong các CQNN của tỉnh. Triển khai thanh toán phí, lệ phí dịch vụ hành chính công không dùng tiền mặt.

- Ứng dụng CNTT trong ngành thuế, hải quan, tài chính nhằm rút ngắn thời gian thực hiện thông quan hàng hóa xuất, nhập khẩu cho doanh nghiệp; nâng cao hiệu quả quản lý thuế và tạo điều kiện thuận lợi, giảm thời gian, chi phí cho tổ

chức, doanh nghiệp; phần đầu 90% trở lên doanh nghiệp thực hiện nộp thuế qua mạng.

- Trên 80% doanh nghiệp lớn về thương mại, du lịch có Trang thông tin điện tử và ứng dụng CNTT trong quản lý, điều hành.

- 100% trường trung học phổ thông trở lên, 88% trường trung học cơ sở, 65% trường tiểu học được ứng dụng CNTT trong quản lý và giảng dạy môn tin học.

- Nâng cao năng lực, phát triển nguồn nhân lực CNTT, đảm bảo ATTT trong các CQNN.

II. Nhiệm vụ

1. Phát triển hạ tầng kỹ thuật và đảm bảo an toàn thông tin:

- Xây dựng Kiến trúc tổng thể Chính quyền điện tử và hạ tầng nền tảng, trực kết nối liên thông Chính quyền điện tử có kết nối giữa các cơ quan khối Nhà nước với các cơ quan khối Đảng của tỉnh, sẵn sàng kết nối với trực liên thông quốc gia.

- Xây dựng hoàn thiện hạ tầng CNTT cho huyện Sa Pa sau khi hoàn thiện trụ sở mới; triển khai xây dựng hạ tầng CNTT cấp xã.

- Đầu tư bổ sung hạ tầng CNTT, trang thiết bị CNTT, nâng cao an ninh bảo mật cho các cơ quan, đơn vị và trung tâm mạng thông tin của tỉnh bảo đảm triển khai các hệ thống thông tin trên diện rộng; xây dựng hạ tầng CNTT cấp xã. Duy trì, bảo dưỡng và khai thác, sử dụng hiệu quả hạ tầng thông tin đã được đầu tư.

- Triển khai hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến của tỉnh đảm bảo phục vụ tốt cuộc họp trực tuyến của tỉnh; tiếp tục triển khai mở rộng đến 100% cấp xã.

- Bổ sung, nâng cấp hệ thống lưu trữ dữ liệu, các thiết bị an ninh, bảo mật cho Trung tâm mạng thông tin của tỉnh. Củng cố và nâng cao năng lực đảm bảo ATTT cho các hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh. Triển khai hệ thống giám sát, cảnh báo, đầu tư công cụ rà quét lỗ hổng, mã độc và hướng dẫn biện pháp đảm bảo ATTT trên địa bàn tỉnh.

- Triển khai các hoạt động mạng lưới ứng cứu sự cố máy tính, tăng cường năng lực cho các cán bộ, bộ phận chuyên trách ứng cứu sự cố ATTT mạng đến 2020, định hướng đến 2025 theo Quyết định số 1622/QĐ-TTg ngày 25/10/2017 của Thủ tướng chính phủ. Nâng cao năng lực cho Tổ ứng cứu sự cố máy tính của tỉnh và triển khai các hoạt động diễn tập, ứng cứu sự cố ATTT trong các CQNN trên địa bàn tỉnh; tổ chức và phối hợp với các cơ quan Trung ương trong công tác ứng cứu sự cố cấp quốc gia và cấp tỉnh. Tổ chức hội nghị, hội thảo tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức và trách nhiệm về ATTT.

2. Ứng dụng CNTT trong nội bộ CQNN và phục vụ người dân, doanh nghiệp:

- Triển khai nhân rộng các hệ thống thông tin dùng chung trên toàn tỉnh: Phần mềm quản lý văn bản và điều hành, hệ thống dịch vụ hành chính công, thư điện tử, chữ ký số, cổng TTĐT,... có kết nối, liên thông 3 cấp trong tỉnh, kết nối với các cơ quan khối Đảng và Trung ương; công khai tiến độ giải quyết hồ sơ TTHC trên

Công TTĐT Chính phủ. Xây dựng hệ thống kết nối các ứng dụng dùng chung của tỉnh. Xây dựng hệ thống tương tác giữa chính quyền với người dân,...

- Rà soát, cập nhật đầy đủ thông tin các TTHC trên hệ thống dịch vụ hành chính công của tỉnh (gồm: các thông tin chung của TTHC, căn cứ pháp lý, trình tự thực hiện, cách thức thực hiện, thành phần hồ sơ, mẫu biểu, tờ khai đính kèm,...) để người dân, doanh nghiệp thực hiện dễ dàng, thuận lợi. Sử dụng hiệu quả việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 và ứng dụng phần mềm một cửa liên thông điện tử từ tỉnh đến cấp xã; tiếp tục lựa chọn các TTHC mức độ 1, 2 để nâng lên mức độ 3, 4. Bổ sung các TTHC thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích trong các CQNN của tỉnh; triển khai thanh toán phí, lệ phí dịch vụ hành chính công không dùng tiền mặt. Tuyên truyền, quảng bá bằng nhiều hình thức để người dân, doanh nghiệp biết, tham gia thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 hoặc thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.

- Tiếp tục đăng ký, cấp phát, sử dụng chữ ký số của tổ chức, cá nhân trong các CQNN, tích hợp chữ ký số trên hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh.

- Số hóa tài liệu, xây dựng, phát triển hệ thống thông tin, CSDL chuyên ngành dùng chung trọng điểm, đặc thù trong các cơ quan nhà nước.

- Chuẩn bị điều kiện cho triển khai đô thị thông minh, tập trung vào các lĩnh vực trọng tâm của tỉnh, như: du lịch, y tế, giáo dục, môi trường, phòng chống thiên tai và giao thông thông minh

3. Phát triển nguồn nhân lực:

- Đào tạo, tập huấn chuẩn kỹ năng ứng dụng CNTT, kỹ năng sử dụng khai thác hệ thống thông tin, ATTT cho lãnh đạo, cán bộ CCVC trong các CQNN.

- Tổ chức đào tạo chuyên sâu về CNTT, ATTT cho đội ngũ cán bộ chuyên trách/phụ trách CNTT, ATTT của các CQNN các cấp; tổ chức sát hạch thực hiện nhiệm vụ về CNTT, ATTT.

- Nâng cao khả năng sử dụng máy tính và truy cập Internet, khả năng khai thác, ứng dụng CNTT cho người dân, tổ chức, doanh nghiệp.

- Triển khai các hoạt động tập huấn, tuyên truyền, hỗ trợ doanh nghiệp tham gia thương mại điện tử, khai thác sử dụng dịch vụ công trực tuyến và tăng cường ứng dụng CNTT trong sản xuất, kinh doanh, quản trị doanh nghiệp.

III. Khái toán kinh phí thực hiện: tại phụ lục kèm theo.

D. GIẢI PHÁP

1. Giải pháp về cơ chế, chính sách; tuyên truyền nâng cao nhận thức, trách nhiệm:

- Tập trung rà soát, ban hành các cơ chế, chính sách phù hợp tình hình mới trong thực hiện đề án, dự án, kế hoạch về lĩnh vực CNTT. Tổ chức tuyên truyền sâu rộng và triển khai các cơ chế, chính sách, văn bản QPPL thúc đẩy phát triển và ứng dụng CNTT, đảm bảo ATTT trên địa bàn tỉnh; gắn trách nhiệm của Thủ

trường CQNN đối với công tác ứng dụng CNTT gắn với CCHC, đảm bảo ATTT trong các cơ quan, đơn vị.

- Ban hành Quy chế quản lý, khai thác, sử dụng các hệ thống thông tin sau khi được triển khai.

- Sửa đổi quy định quản lý đầu tư ứng dụng CNTT sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh sau khi Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi Nghị định số 102/2012/NĐ-CP về quản lý đầu tư ứng dụng CNTT.

- Thông tin tuyên truyền bằng nhiều hình thức phù hợp trên các phương tiện thông tin đại chúng về công tác ứng dụng CNTT, cung cấp dịch vụ hành chính công trực tuyến cho các tổ chức, doanh nghiệp, người dân.

2. Giải pháp tài chính:

- Bố trí đầy đủ, kịp thời nguồn lực tài chính để thực hiện đúng tiến độ các dự án CNTT đã được phê duyệt, các nhiệm vụ, dự án trong kế hoạch đề ra. Ưu tiên bố trí nguồn kinh phí năm 2018 cho xây dựng Kiến trúc chính quyền điện tử, Trục kết nối liên thông, ATTT, đào tạo chuẩn kỹ năng CNTT.

- Tiếp tục áp dụng thuê dịch vụ CNTT trong CQNN trên địa bàn tỉnh.

- Huy động nguồn lực và hợp tác với các Tập đoàn, Công ty lớn về CNTT-TT, thương mại điện tử tạo nguồn lực cho phát triển CNTT, chính quyền điện tử và ATTT trên địa bàn tỉnh.

3. Giải pháp triển khai:

- Triển khai hiệu quả việc ứng dụng CNTT gắn kết, đồng bộ với công tác CCHC trên địa bàn tỉnh.

- Triển khai theo hướng dùng chung, phù hợp với Khung giải pháp Chính quyền điện tử của tỉnh, tích hợp với trục kết nối của tỉnh (LGSP) và trục kết nối quốc gia (NGSP); mô hình thí điểm sau đó nhân rộng để đảm bảo tính hiệu quả, khả thi.

- Tăng cường công tác giám sát, đánh giá hiệu quả đầu tư; công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động ứng dụng CNTT, thực hiện các cơ chế chính sách về CNTT, ATTT trong các CQNN trên địa bàn tỉnh.

- Tổ chức đánh giá, xếp hạng, trao giải thưởng ứng dụng CNTT trong các CQNN trên địa bàn tỉnh. Xây dựng và nhân rộng điển hình tiên tiến trong ứng dụng, phát triển CNTT.

E. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Văn phòng UBND tỉnh:

- Tiếp tục duy trì, phát triển hệ thống Cổng TTĐT của tỉnh; cập nhật đầy đủ CSDL thủ tục hành chính của tỉnh, hệ thống dịch vụ hành chính công của tỉnh lên Cổng TTĐT tỉnh.

- Theo dõi, chỉ đạo thực hiện công tác phát triển và ứng dụng CNTT của Văn phòng UBND tỉnh phục vụ chỉ đạo, điều hành của Thường trực UBND tỉnh.

- Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp tình hình thực hiện các cơ chế, chính sách về CNTT, kết quả phát triển ứng dụng CNTT, ATTT trong các CQNN, báo cáo UBND tỉnh để kịp thời chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thực hiện.

2. Sở Thông tin và Truyền thông:

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan và UBND các huyện, thành phố tổ chức thực hiện có hiệu quả các nội dung kế hoạch đảm bảo hoàn thành tốt mục tiêu đề ra; theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện kế hoạch; tham mưu UBND tỉnh bổ sung, điều chỉnh kế hoạch khi cần thiết.

- Tham mưu cho UBND tỉnh ban hành kịp thời cơ chế, chính sách, văn bản QPPL tạo hành lang pháp lý phát triển CNTT, ATTT.

- Triển khai khai các ứng dụng, phần mềm dùng chung đến các cấp, các ngành trên địa bàn tỉnh. Phối hợp, đôn đốc các đơn vị cung cấp phần mềm thuê dịch vụ CNTT thực hiện hỗ trợ, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh trong việc sử dụng, vận hành và khai thác hiệu quả các phần mềm, ứng dụng CNTT.

- Chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan đánh giá hiệu quả các phần mềm, ứng dụng CNTT triển khai trên địa bàn tỉnh.

- Tuyên truyền nâng cao nhận thức cho các cấp, các ngành, doanh nghiệp và người dân tăng cường ứng dụng CNTT, đảm bảo ATTT.

- Tiếp tục tham mưu tổ chức đánh giá, xếp hạng mức độ ứng dụng CNTT các cơ quan nhà nước của tỉnh.

- Phối hợp với Sở Nội vụ thực hiện đồng bộ, gắn kết chương trình, kế hoạch ứng dụng CNTT với chương trình, kế hoạch CCHC.

- Chủ trì, phối hợp, hợp tác với các cơ quan, tổ chức trong và ngoài tỉnh triển khai các hoạt động thúc đẩy phát triển và ứng dụng CNTT, ATTT trên địa bàn tỉnh.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Thông tin và Truyền thông xem xét, đề xuất lồng ghép, bố trí nguồn vốn đầu tư để đảm bảo triển khai thực hiện kế hoạch đạt mục tiêu đề ra.

4. Sở Tài Chính:

Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông ưu tiên bố trí kinh phí sự nghiệp đảm bảo cho các dự án, các hoạt động ứng dụng CNTT đề ra trong kế hoạch.

5. Sở Nội vụ:

- Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các đơn vị liên quan triển khai đồng bộ chương trình, kế hoạch CCHC trong các CQNN.

- Ưu tiên bố trí biên chế CNTT, chỉ tiêu đào tạo chuẩn kỹ năng ứng dụng CNTT cho lãnh đạo, cán bộ CCVC; đào tạo chuyên sâu về CNTT, ATTT cho cán bộ chuyên trách/phụ trách CNTT trong các CQNN.

- Phối hợp đánh giá tiêu chí ứng dụng CNTT trong bộ tiêu chí đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các CQNN của tỉnh.

6. Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố.

- Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm cá nhân trước UBND tỉnh về kết quả ứng dụng CNTT, ATTT của cơ quan, đơn vị mình.

- Căn cứ kế hoạch chung của tỉnh, xây dựng kế hoạch ứng dụng CNTT của cơ quan, đơn vị, địa phương mình, gửi Sở Thông tin và Truyền thông để theo dõi, tổng hợp. Định kỳ 6 tháng hoặc đột xuất báo cáo kết quả triển khai thực hiện kế hoạch và công tác ứng dụng CNTT, đảm bảo ATTT trong cơ quan, địa phương mình, gửi về Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp báo cáo UBND tỉnh.

- Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông trong công tác triển khai các chương trình dự án, tiếp nhận và đưa vào sử dụng các hệ thống hạ tầng kỹ thuật CNTT, các phần mềm ứng dụng dùng chung của tỉnh tại cơ quan, địa phương mình đảm bảo chất lượng, hiệu quả, đúng quy định. Các đơn vị chủ trì dự án, chủ trọng thực hiện theo hình thức thuê dịch vụ CNTT và tuân thủ các quy định của nhà nước về quản lý đầu tư ứng dụng CNTT, đảm bảo hiệu quả, khả thi.

- Thực hiện đồng bộ các mục tiêu, nhiệm vụ của kế hoạch này với kế hoạch duy trì, cải thiện chỉ số ICT-Index năm 2018.

Căn cứ nội dung kế hoạch này, các cơ quan, đơn vị, địa phương chủ động tổ chức triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Văn phòng Chính phủ;
- TT: TU, HĐND, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- VP Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh;
- Các doanh nghiệp viễn thông, CNTT trên địa bàn tỉnh;
- CVP, PCVP2;
- Lưu: VT, TH1, TCHC1, KSTT2, BBT1, VX1.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đặng Xuân Thanh

KHÁT TOÁN KINH PHÍ PHÁT TRIỂN CNTT TRONG CÁC CQNN TỈNH LÀO CAI NĂM 2018

(Kèm theo Kế hoạch số 340/KH-UBND ngày 29/12/2017 của UBND tỉnh Lào Cai)

Đơn vị tính: tỷ đồng

TT		Tổng	Nguồn vốn				Thực hiện	
			Ngân sách TW	Ngân sách ĐP		Khác	Chủ trì	Phối hợp
				Đầu tư phát triển	Sự nghiệp			
	Tổng kinh phí	42,54	7	4	31,54	0		
I	Hoạt động chuyển tiếp	4	0	4	0	0		
1	Dự án phát triển hạ tầng CNTT tỉnh Lào Cai	4		4			Sở Thông tin và Truyền thông	UBND các huyện, TP
II	Hoạt động mới	37,44	7	0	30,44	0		
2	Đẩy mạnh ứng dụng CNTT gắn với CCHC và xây dựng CQĐT tỉnh Lào Cai GD: 2016-2018	7	7				Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, TP
	Xây dựng kiến trúc CQĐT của tỉnh	0,8			0,8			
	Triển khai trực kết nối liên thông các hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh	2,5			2,5			
3	Nâng cao ATTT cho các cơ quan nhà nước	2,15			2,15		Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, TP
4	Triển khai hệ thống quản lý văn bản và điều hành	1,65			1,65		Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, TP
5	Triển khai hệ thống dịch vụ hành chính công trực tuyến	1,36			1,36		Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, TP
6	Nâng cao ATTT cho Trung tâm mạng của tỉnh	1,85			1,85		Sở Thông tin và Truyền thông	
8	Phát triển hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến của tỉnh	2,9			2,9		Văn phòng UBND tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông; Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, TP

9	Triển khai Cổng thông tin điện tử tỉnh Lào Cai và các Công thành viên;	0,25	0,25	Văn phòng UBND tỉnh	Các số, ban, ngành; UBND các huyện, TP
10	Phát triển hệ thống thư điện tử tỉnh Lào Cai.	0,8	0,8	Sở Thông tin và Truyền thông	Các số, ban, ngành; UBND các huyện, TP
11	Triển khai tích hợp chữ ký số vào bộ phần mềm	0,9	0,9	Sở Thông tin và Truyền thông	Các số, ban, ngành; UBND các huyện, TP
12	Hệ thống thông tin tích hợp các ứng dụng chung của tỉnh	2,9	2,9	Sở Thông tin và Truyền thông	Các số, ban, ngành; UBND các huyện, TP
13	Số hóa, xây dựng CSDL dùng chung, CNTT, CSDL chuyên ngành:			Số, ban, ngành (trên khai CNTT chuyên ngành)	Các số, ban, ngành; UBND các huyện, TP
a	Hệ thống thông tin tự động thu thập thông tin của tỉnh trên mạng internet	0,45	0,45	Văn phòng UBND tỉnh	Các số, ban, ngành; UBND các huyện, TP
b	Hệ thống thông tin chuyên ngành UBND tỉnh	1,35	1,35	Văn phòng UBND tỉnh	Các số, ban, ngành; UBND các huyện, TP
c	Số hóa CSDL hệ thống thông tin ngành nông nghiệp	1,6	1,6	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các số, ban, ngành; UBND các huyện, TP
d	Số hóa xây dựng HHTT hỗ trợ xúc tiến thương mại sản phẩm nông nghiệp	1,45	1,45	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các số, ban, ngành; UBND các huyện, TP
e	Số hóa xây dựng CSDL an sinh xã hội	1,2	1,2	Sở Lao động TBXH	Các số, ban, ngành; UBND các huyện, TP
f	Số hóa CSDL, HTTT dân tộc, chính sách dân tộc	1,85	1,85	Ban dân tộc tỉnh	Các số, ban, ngành; UBND các huyện, TP
g	Hệ thống thông tin quản lý, theo dõi, đánh giá chi số ứng dụng CNTT của tỉnh	1,3	1,3	Sở Thông tin và Truyền thông	Các số, ban, ngành; UBND các huyện, TP
14	Tổ chức kiểm tra đánh giá công tác ứng dụng CNTT, an toàn thông tin	0,05	0,05	Sở Thông tin và Truyền thông	Các số, ban, ngành; UBND các huyện, TP
15	Tổ chức đánh giá xếp hạng mức độ ứng dụng CNTT	0,03	0,03	Sở Thông tin và Truyền thông	Các số, ban, ngành; UBND các huyện, TP
16	Triển khai các hoạt động đảm bảo A/T/T: - Trang bị công cụ hỗ trợ công tác ứng cứu sự	0,9	0,9	Sở Thông tin và Truyền thông	Các số, ban, ngành; UBND các huyện, TP

	cơ máy tính; - Triển khai các hoạt động ứng cứu, điều phối ATTT; - Diễn tập ATTT; - Sát hạch ATTT.							
17	Hệ thống quy trình ứng phó vụ sự cố, tiếp nhận, lưu giữ và xử lý thông tin an ninh mạng	1,4			1,4		Sở Thông tin và Truyền thông	
18	Duy trì, bảo dưỡng hệ thống thông tin của tỉnh (mạng, phần cứng, phần mềm, CSDL,...)	0,8			0,8		Trung tâm CNTT&TT	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, TP
III	Đào tạo, tập huấn, tuyên truyền, hội thảo CNTT, an toàn thông tin	1,1	0	0	1,1	0		
1	Hội nghị tập huấn đội ngũ lãnh đạo CNTT	0,1			0,1		Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, TP
2	Đào tạo cán bộ chuyên trách/phụ trách CNTT, an toàn thông tin	0,1			0,1		Trung tâm CNTT	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, TP
3	Hội nghị CNTT, an toàn thông tin trên địa bàn tỉnh	0,1			0,1		Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, TP
4	Đào tạo, đào tạo lại cán bộ, công chức CNTT	0,8			0,8		Trung tâm CNTT	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, TP